

*Củ Chi, ngày 17 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

\* Nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957.

2/ Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số A quốc lộ S, ấp T3, xã T4, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Bị đơn:

1/ Bà Huỳnh Thị C1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số E quốc lộ S, ấp Đ, xã T4, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1963.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Nhắm: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số G quốc lộ S, ấp T3, xã T4, huyện C, Thành phố Chí Minh.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số E quốc lộ S, ấp Đ, xã T4, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị T1 và Bà Trần Thị H là đại diện theo ủy quyền cho ông Huỳnh Văn N thống nhất như sau:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T1 tiến hành tháo dỡ hàng rào có chiều dài 39met, kết cấu chân móng được xây dựng bằng gạch Block có chiều cao 0,5 met, phần phía trên được rào bằng lưới B40 và 15 trụ xi măng do ông Huỳnh Văn N xây

dựng vào năm 2007 trên phần đất thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 02/CT-UB), đất tọa lạc ấp Thượng, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 69/QSDD/ĐG ngày 05/12/2003 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn T theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 31/5/2019 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện Củ Chi lập ngày 28/7/2020.

- Chi phí phục vụ cho việc tháo dỡ ông T và bà T1 chịu.
- Chi phí tố tụng và Chi phí đo Bản đồ hiện trạng vị trí ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T1 tự nguyện chịu.

2.2 Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T1 rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 trả lại phần đất có diện tích 67,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 02/CT-UB), đất tọa lạc ấp Thượng, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2.3 Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà T1 tự nguyện chịu 150.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T và bà T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0083728 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T1 và ông T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

Hoàn lại cho ông T và bà T1 số tiền 900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0033913 ngày 21/01/2019 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi do ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T1 đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 67,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 02/CT-UB), đất tọa lạc ấp Thượng, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Võ Văn Dũng**